

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST
Ngày 13-6-2021
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Phương
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Phú – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hiền – Kiểm sát viên

-Ngày 13 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021; quyết định hoãn phiên tòa số 30a/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Đỗ Cao M, sinh năm 1971

Địa chỉ: Khu T, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt

- Bị đơn: chị Đỗ Thị Đ - Sinh năm 1971

Địa chỉ: Khu Xóm Đ, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Đỗ Cao M trình bày:

Anh Đỗ Cao M và chị Đỗ Thị Đ kết hôn ngày 12/12/1997 trên cơ sở tự nguyện, có Đ ký kết hôn tại UBND xã H, nay là xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh M. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được thời gian ngắn thì mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân do bất đồng lối sống sinh hoạt hàng ngày. Năm 1998, khi chị Đ mang thai đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Sau khi sinh con, anh M có đón chị và các con ở cùng nhưng được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng. Kể từ tháng 10/1998, chị Đ đã mang theo 01 con chung bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau hơn 20 năm, không ai quan tâm đến ai. Nay anh M xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin được ly hôn.

Về con chung: Anh M và chị Đ có 02 con chung là cháu Đỗ Mạnh D và Đỗ Mạnh H, đều sinh ngày 10/9/1998. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, đều lao động tự túc được, anh M không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản, công nợ (nghĩa vụ chung về tài sản), công sức: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/4/2021, chị Đỗ Thị Đ (bị đơn) trình bày:

Chị và anh M kết hôn ngày 12/12/1997 như anh M đã trình bày. Vợ chồng sống chung hòa thuận một thời gian ngắn thì mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về lối sống. Kể từ năm 1998, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay anh M xin ly hôn chị không nhất trí vì muốn các con có cả bố và mẹ.

Về con chung: vợ chồng có hai con chung là Đỗ Mạnh H và Đỗ Mạnh D, đều sinh ngày 10/9/1998. Hiện các cháu đã trưởng thành lao động tự túc được nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: không có, không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng (anh M) kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật. Bị đơn (chị Đ) chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật dẫn đến việc kéo dài thời hạn giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTV Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử cho anh Đỗ Cao M được ly hôn chị Đỗ Thị Đ

+ Về con chung: không xem xét giải quyết

+ Về tài sản chung, công nợ, công sức: không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Anh M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa anh Đỗ Cao M và chị Đỗ Thị Đ là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh M và chị Đ đều có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Đ (bị đơn) đã có bản trình bày quan điểm về việc anh M xin ly hôn. Tòa án đã thực hiện việc báo gọi nhiều lần nhưng chị Đ không đến Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê để làm việc. Vì vậy Tòa án không thực hiện được việc hòa giải đối với anh M và chị Đ. Tại phiên tòa, chị Đ vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh Đỗ Cao M và chị Đỗ Thị Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã H), huyện C, tỉnh Phú Thọ năm 1997 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh M và chị Đ có những bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày. Qua việc xác M ý kiến của Chính quyền địa phương cũng như Hội phụ nữ xã H cho biết quá trình anh M và chị Đ sinh sống có mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân nhau từ lâu, đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc để anh chị ổn định cuộc sống. Tại phiên tòa, anh M vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn chị Đ. Mặc dù chị Đ có nguyện vọng xin được đoàn tụ, tuy nhiên chị không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị và anh M đã sống ly thân nhau hơn 20 năm. Như vậy, có thể thấy tình cảm vợ chồng anh M và chị Đ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Xét nên xử cho anh M được ly hôn chị Đ là có căn cứ và phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Anh M và chị Đ có 02 con chung là cháu Đỗ Mạnh H và Đỗ Mạnh D, đều sinh ngày 10/9/1998. Hiện các cháu đều trên 18 tuổi, đã trưởng thành, lao động tự túc được. Hai bên đều không đề nghị giải quyết về con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

* Về tài sản chung, công nợ (nghĩa vụ chung về tài sản), công sức: Các bên không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Đỗ Cao M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Đỗ Cao M được ly hôn chị Đỗ Thị Đ

2. *Về án phí*: Anh Đỗ Cao M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003849 ngày 14/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Anh M đã nộp đủ tiền án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh M có mặt có quyền kháng cáo; Chị Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

VKSND tỉnh, huyện CK;
- Đường sự;
- Chi cục THADS h Cẩm Khê;
- UBND xã Hùng Việt
- Lưu HS; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Hà Thanh Loan